

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT ÁP DỤNG CHO
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

I. Giới hạn đô thị: Toàn bộ địa giới hành chính các phường Mỹ Long, Mỹ Bình, Mỹ Xuyên, Đông Xuyên, Mỹ Thạnh, Mỹ Thới, Mỹ Quý, Mỹ Phước, Mỹ Hòa, Bình Khánh, Bình Đức.

II. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
A	PHƯỜNG MỸ LONG					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Nguyễn Trãi	Suốt đường	1	45.000	54.000	Tăng giá
2	Hai Bà Trưng	Nguyễn Trãi - Ngô Gia Tự	1	45.000	54.000	Tăng giá
3	Nguyễn Huệ	Suốt đường	1	45.000	54.000	Tăng giá
4	Hùng Vương	Ngô Gia Tự - Lý Thái Tổ	1	32.500	39.000	Tăng giá
		Lý Thái Tổ - Cầu Cái Sơn	1	22.700	27.300	Tăng giá
5	Ngô Gia Tự	Suốt đường	1	39.000	47.000	Tăng giá
6	Phan Đình Phùng	Suốt đường	1	35.000	42.000	Tăng giá
7	Lý Thái Tổ	Suốt đường	1	32.500	39.000	Tăng giá
8	Ngô Thời Nhậm	Suốt đường	1	32.500	39.000	Tăng giá
9	Điện Biên Phủ	Suốt đường	1	24.700	29.700	Tăng giá, gộp đoạn: “Nguyễn Trãi - Lý Thái Tổ” với đoạn “Lý Thái Tổ - Lê Thánh Tôn”
				19.500		
10	Nguyễn Văn Cung	Suốt đường	1	32.500	39.000	Tăng giá
11	Lý Tự Trọng	Suốt đường	1	26.000	31.200	Tăng giá
12	Nguyễn Thị Minh Khai	Suốt đường	1	26.000	31.200	Tăng giá
13	Thi Sách	Nguyễn Trãi - Trần Nhật Duật	1	22.700	27.300	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
14	Trần Hưng Đạo	Cầu Cái Sơn - Cầu Hoàng Diệu	1	30.000	36.000	Tăng giá
15	Lục Văn Nhì	Suốt đường	1		31.200	Bổ sung mới
16	Lê Thị Nhiên	Suốt đường	1	20.000	24.000	Tăng giá
17	Thoại Ngọc Hầu	Nguyễn Trãi - Lý Thái Tổ	1	21.500	26.000	Tăng giá
		Lý Thái Tổ - Cầu Cái Sơn	1	16.900	20.300	Tăng giá
18	Lê Minh Ngon	Nguyễn Trãi - Cầu Duy Tân	1	22.700	27.300	Tăng giá
19	Bạch Đằng	Suốt đường	1	21.450	26.000	Tăng giá
20	Phạm Hồng Thái	Suốt đường	1	15.600	18.800	Tăng giá
21	Phan Chu Trinh	Suốt đường	1	15.600	18.800	Tăng giá
22	Phan Thành Long	Suốt đường	1	15.600	18.800	Tăng giá
23	Đoàn Văn Phối	Suốt đường	1	15.600	18.800	Tăng giá
24	Lương Văn Cù	Suốt đường	1	19.500	23.400	Tăng giá
25	Huỳnh Thị Hưởng	Suốt đường	1	19.500	23.400	Tăng giá
26	Chu Văn An	Suốt đường	1	22.700	27.300	Tăng giá
27	Kim Đồng	Nguyễn Trãi - Lý Thái Tổ	1	18.200	22.000	Tăng giá
		Lý Thái Tổ - Nguyễn Bình Khiêm	1	15.000	18.000	Tăng giá
28	Nguyễn Đình Chiều	Suốt đường	1	12.000	14.400	Tăng giá
29	Huỳnh Văn Hây	Suốt đường	1	12.000	14.400	Tăng giá
30	Tân Đà	Suốt đường	1	19.500	23.400	Tăng giá
31	Trần Nguyên Hân	Suốt đường	1	19.500	23.400	Tăng giá
32	Trần Nhật Duật	Suốt đường	1	16.900	20.300	Tăng giá
33	Đặng Dung	Hùng Vương - Thoại Ngọc Hầu	1	19.500	23.400	Tăng giá
34	Châu Thị Tế	Suốt đường	1	16.900	20.300	Tăng giá
35	Đặng Dung nói dài	Điện Biên Phủ - Kim Đồng	1	16.900	20.300	Tăng giá
36	Nam Đặng Dung	Suốt đường	1	16.300	19.600	Tăng giá
37	Phan Huy Chú	Suốt đường	1	15.000	18.000	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
38	Nguyễn Văn Sùng	Suốt đường	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
39	Nguyễn Bình Khiêm	Suốt đường	1	12.350	14.900	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
40	Lê Văn Hưu	Suốt đường	1	13.000	15.600	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
41	Hồ Xuân Hương	Suốt đường	1	10.400	12.500	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
42	Nguyễn Phi Khanh	Suốt đường	1	11.700	14.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
43	Trần Hữu Trang	Suốt đường	1	11.700	14.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
44	Đường Cống Quỳnh	Suốt đường	1	11.700	14.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
45	Hẻm cặp Ngân hàng Công thương	Lý Thái Tổ - Cuối hẻm	1	9.000	10.800	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
46	Hẻm đường Châu Thị Tế	Châu Thị Tế - Hùng Vương	2	8.000	9.600	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
47	Lương Thế Vinh	Suốt đường	2	7.000	8.500	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
48	Đường dự định cấp Công an phường Mỹ Long	Nam Đặng Dung - Dây khu dân cư đường Lý Thái Tổ	2	7.000	8.500	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
49	Lê Thánh Tôn	Điện Biên Phủ - Cuối hàng rào cung Thiếu nhi	3	5.000	6.000	Tăng giá
50	Đường liên tổ khóm Phó Quế	Lương Thế Vinh - Đuôi cồn Phó Quế	3	5.000	6.000	Tăng giá
51	Kè Sông Hậu	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
IV	ĐƯỜNG LOẠI 4					
52	Đường cấp rạch Cái Sơn	Trần Hưng Đạo - Hùng Vương	4	4.000	4.800	Tăng giá
B	PHƯỜNG MỸ BÌNH					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Tôn Đức Thắng	Suốt đường	1	30.000	36.000	Tăng giá
2	Trần Hưng Đạo	Suốt đường	1	30.000	36.000	Tăng giá
3	Nguyễn Thái Học	Suốt đường	1	20.000	24.000	Tăng giá
4	Lê Hồng Phong	Suốt đường	1	20.000	24.000	Tăng giá
5	Châu Văn Liêm	Suốt đường	1	15.000	18.000	Tăng giá
6	Lê Lợi	Suốt đường	1	15.000	18.000	Tăng giá
7	Lý Thường Kiệt	Suốt đường	1	15.000	18.000	Tăng giá
8	Lê Triệu Kiết	Suốt đường	1	15.000	18.000	Tăng giá
9	Yết Kiêu	Suốt tuyến	1	15.000	18.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
10	Ngô Quyền	Suốt đường	1	13.000	15.600	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
11	Trần Quốc Toản	Suốt đường	1	13.000	15.600	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
12	Đinh Tiên Hoàng	Suốt đường	1	13.000	15.600	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
13	Nguyễn Du	Suốt đường	1	13.000	15.600	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
14	Nguyễn Cư Trình	Lý Thường Kiệt - Lê Hồng Phong	1	13.000	15.600	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
15	Lê Văn Nhung	Trần Hưng Đạo - Cầu Nguyễn Trung Trực	1	10.000	12.000	Tăng giá, gộp các đoạn “Trần Hưng Đạo - Nguyễn Thái Học”, “Nguyễn Thái Học - Lê Hồng Phong” và “Lê Hồng Phong - Cầu Nguyễn Trung Trực”, nâng lên đường loại 1
16	Thủ Khoa Nghĩa	Lý Thường Kiệt - Phan Bá Vành	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
17	Thủ Khoa Huân	Nguyễn Thái Ngọc - Ngọc Hân	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						thành đường loại 1
18	Phan Bá Vành	Tôn Đức Thắng - Thủ Khoa Huân	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
19	Ngọc Hân	Trần Hưng Đạo - Thủ Khoa Nghĩa	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
20	Đường cặp bờ kè rạch Long Xuyên và các đường đầu nối với đường Lê Văn Nhung	Suốt đường	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
21	Khu phức hợp Khách Sạn STARWORD	Các đường nội bộ	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
22	Lê Lai	Suốt đường	1	9.100	11.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
23	Phùng Hưng	Suốt đường	1	9.100	11.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
24	Hoàng Văn Thụ	Suốt đường	1	9.100	11.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
25	La Sơn Phú Tử	Lý Thường Kiệt - Lê Hồng Phong	1	9.100	11.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
26	Nguyễn Đăng Sơn	Suốt đường	1	9.100	11.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
27	Lê Quý Đôn	Suốt đường	1	9.100	11.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
28	Khúc Thừa Dụ	Suốt đường	2	7.000	8.500	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
29	Nguyễn Xí	Suốt đường	2	6.500	7.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2, Gộp đoạn với Đường vòng Yết Kiêu.
30	Lê Sát	Suốt đường	2	6.500	7.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
31	Phạm Văn Xảo	Suốt đường	2	6.500	7.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
32	Cô Giang	Suốt đường	2	6.500	7.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
33	Cô Bắc	Suốt đường	2	6.500	7.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
34	Cặp bờ kè Nguyễn Du	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
35	Hẻm Huỳnh Thanh	Suốt hẻm	3	5.200	6.300	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
36	Các đường nhánh khu hành chính tỉnh	Nguyễn Thái Học - Lê Lai - Lý Thường Kiệt	3	5.000	6.000	Tăng giá
37	Hẻm 2 Yết Kiêu - Cô Bắc - Cô Giang	Suốt hẻm	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
38	Hẻm Hòa Bình	Suốt hẻm	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
39	Hẻm tổ 10 Ngô Quyền	Suốt hẻm	3	4.500	5.400	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
IV	ĐƯỜNG LOẠI 4					
40	Hẻm 141	Nguyễn Thái Học - Yết Kiêu	4	4.000	4.800	Tăng giá
41	Hẻm Bạch Hổ	Tôn Đức Thắng - Lê Triệu Kiết	4	4.000	4.800	Tăng giá
42	Hẻm tổ 1 Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền	Suốt hẻm	4	4.000	4.800	Tăng giá
C	PHƯỜNG MỸ XUYỀN					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Trần Hưng Đạo	Cầu Cái Sơn - Cầu Hoàng Diệu	1	30.000	36.000	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
2	Lý Thái Tổ	Suốt đường	1	28.000	34.000	Tăng giá
3	Hà Hoàng Hồ	Trần Hưng Đạo - Phan Tôn	1	26.000	31.200	Tăng giá
4	Trần Bình Trọng	Suốt đường	1	17.000	20.400	Tăng giá
5	KDC Lý Thái Tổ (nối dài)	Các đường trong KDC	1	16.800	20.200	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
6	Bùi Thị Xuân	Suốt đường	1	13.000	15.600	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
7	Trần Khánh Dư	Hà Hoàng Hồ - Trần Bình Trọng	1	11.000	13.200	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
8	Võ Thị Sáu	Hà Hoàng Hồ - Ngã 3 Võ Thị Sáu	1	11.000	13.200	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
9	Bùi Văn Danh	Trần Hưng Đạo - Phan Tôn	1	9.000	10.800	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
10	Trần Quang Diệu	Suốt đường	2	7.800	9.400	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
11	Hẻm 12	Bệnh viện Long Xuyên - Võ Thị Sáu	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
12	Võ Thị Sáu	Ngã 3 Võ Thị Sáu - Hết ranh Đại học An Giang	2	7.500	9.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
13	Trần Khánh Dư	Trần Bình Trọng - Cuối đường	2	7.000	8.500	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
14	Phan Tôn	Lê Thiện Tứ - Bùi Văn Danh	2	6.500	7.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
15	Hải Thượng Lãn Ông	Trần Hưng Đạo - Bệnh viện Long Xuyên	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
16	Hẻm 7, 8	Trần Hưng Đạo - Hẻm 12	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
17	Phan Liêm	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
18	Hẻm 9	Trần Hưng Đạo - Hẻm 12	3	5.000	6.000	Tăng giá
19	Hẻm 1, 2, 3, 4, 5 (khóm Đông An 1)	Trần Hưng Đạo - Cuối hẻm	3	4.500	5.400	Tăng giá
20	Đường vào Trạm biến điện	Võ Thị Sáu - Trạm biến điện	3		6.000	Bổ sung mới
21	Hẻm tổ 76, 77	Võ Thị Sáu - Phan Tôn	3		5.000	Bổ sung mới
22	Hẻm 7	Hẻm 12 - Võ Thị Sáu	3		5.000	Bổ sung mới
23	Hẻm tổ 40	Hà Hoàng Hồ - Bùi Văn Danh	3		5.000	Bổ sung mới

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
24	Võ Thị Sáu	Ngã 3 Võ Thị Sáu - Khu B Trường Đại Học AG (hết đường nhựa)	3	5.000	6.000	Tăng giá
IV	ĐƯỜNG LOẠI 4					
25	Hẻm tổ 73	Trần Khánh Dư - Phan Tôn	4		4.500	Bổ sung mới
26	Đường vào KDC Khóm Đông An 4	Hẻm 12 - Cuối đường	4		3.500	Bổ sung mới
27	Hẻm cặp Mẫu giáo Hoa Lan	Bùi Văn Danh - Trần Quang Diệu	4		3.000	Bổ sung mới
28	Hẻm cặp y tế phường	Trần Quang Diệu - Cuối hẻm	4	3.000	3.600	Tăng giá
29	Hẻm đối diện UBND phường	Hà Hoàng Hồ - Trần Quang Diệu	4	3.000	3.600	Tăng giá
30	Hẻm 2	Trần Hưng Đạo - Cuối hẻm	4	2.000	2.400	Tăng giá
31	Hẻm Bệnh viện Bình Dân (khóm Đông An 5)	Cấp Bệnh viện Bình Dân - Bảo Việt	4	2.000	2.400	Tăng giá
32	Hẻm 1 rạch Cái Sơn (Đông An 5)	Trần Hưng Đạo - Cuối hẻm	4	2.000	2.400	Tăng giá
33	Võ Thị Sáu	Đoạn đường bê tông còn lại	4	3.000	3.600	Tăng giá
D	PHƯỜNG ĐÔNG XUYỀN					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Hà Hoàng Hồ	Phan Tôn - Cống Bà Bàu	1	26.000	31.200	Tăng giá
		Cống Bà Bàu - Cầu Ông Mạnh	1	15.000	18.000	Tăng giá
2	Ung Văn Khiêm	Hà Hoàng Hồ - hết ranh địa giới hành chính	1	12.000	14.400	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
3	Trần Nguyên Đán	Hà Hoàng Hồ - Cuối khu dân cư (đường chính của khu dân cư Bà Bầu)	1	9.000	10.800	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
4	Bùi Văn Danh	Phan Tôn - Cầu ông Mạnh	1	9.000	10.800	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
5	KDC Nam Kinh	Các đường trong KDC	1	9.000	10.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
II	ĐƯỜNG LOẠI 3					
6	Trịnh Văn Ấn	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
7	Trần Văn Thạnh	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
8	Trần Văn Lắm	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
9	Đình Trường Sanh	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
10	Lê Thiện Tứ	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
11	Nguyễn Ngọc Ba	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
12	Trịnh Đình Thước	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
13	Lý Thái Tổ nối dài	Ung Văn Khiêm - Đường nhựa hiện hữu	3	5.000	6.000	Tăng giá
14	Đường số 3	Đình Trường Sanh - Trần Văn Lắm cuối ranh quy hoạch dân cư	3	5.000	6.000	Tăng giá
15	Phan Tôn	Bùi Văn Danh - Lê Thiện Tứ	3	5.000	6.000	Tăng giá
16	Trần Quốc Tăng	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
17	Nguyễn Biểu	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
18	Trần Khắc Chân (K. Đông Hưng)	Nguyễn Biểu - Khu dân cư	3	5.000	6.000	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
19	Võ Thị Sáu	Ngã 3 Võ Thị Sáu - Khu B Trường Đại học An Giang	3	5.000	6.000	Tăng giá
20	Trần Khắc Chân (K. Đông Phú)	Hà Hoàng Hồ - cổng trường Hùng Vương	3	4.500	5.400	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
III ĐƯỜNG LOẠI 4						
21	Trương Hán Siêu	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
22	Nguyễn Hiền	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
23	Trần Khắc Chung	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
24	Lê Quát	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
25	Đoàn Nhữ Hài	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
26	Trương Hồng	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
27	Các đường còn lại trong KDC Bà Bầu (Kể cả KDC Bà Bầu mở rộng)	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
28	Ngô Văn Sở	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
29	Trần Quý Khoáng	Hà Hoàng Hồ - Cuối đường	4	2.400	2.900	Tăng giá
30	Nguyễn Hữu Tiến	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
31	Trần Cảnh	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
32	Nguyễn Chánh Nhì	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
33	Trần Thủ Độ	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
34	Đường cấp rạch Bà Bầu	Suốt đường	4	1.600	2.000	Tăng giá
35	Đường cấp rạch Ông Mạnh	Suốt đường	4	1.600	2.000	Tăng giá
36	Hẻm Kênh 3	Suốt hẻm	4	1.500	1.800	Tăng giá
37	Đường nhánh Võ Thị Sáu	Tổ 7, Tổ 8, Tổ 10	4	3.500	4.200	Tăng giá, gộp đường nhánh các Tổ thành 01 mức giá
				3.000		

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
38	Trần Bình Trọng	Phan Tôn - Ung Văn Khiêm	4	2.000	2.400	Tăng giá
		Trịnh Văn Ấn - Cuối ranh quy hoạch khu dân cư	4	2.500	3.000	Tăng giá
39	Đường cặp rạch Cái Sơn	Ung Văn Khiêm - Ranh Mỹ Phước, Mỹ Xuyên	4	1.500	1.800	Tăng giá
40	Trần Khắc Chân	Công trường Hùng Vương - Cuối đường	4	1.600		Bỏ đoạn này do không có trên thực tế
E	PHƯỜNG MỸ PHƯỚC					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Trần Hưng Đạo	Cầu Cái Sơn - Cầu Tầm Bót	1	25.000	30.000	Tăng giá
		Cầu Tầm Bót - Phạm Cự Lượng	1	15.000	18.000	Tăng giá
2	Lý Thái Tổ	Suốt đường	1	25.000	30.000	Tăng giá
3	KDC Lý Thái Tổ (nối dài)	Các đường trong KDC	1	15.000	18.000	Tăng giá
4	Hùng Vương	Rạch Cái Sơn - Tô Hiến Thành	1	15.000	18.000	Tăng giá
5	Phạm Cự Lượng	Trần Hưng Đạo - Ung Văn Khiêm	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
		Đoạn còn lại	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
6	Ung Văn Khiêm	Từ ranh phường Đông Xuyên - Lý Thái Tổ	1		14.000	Bổ sung mới
		Từ Lý Thái Tổ - Đường cặp Bệnh viện	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		đa khoa				thành đường loại 1
		Đường cặp Bệnh viện đa khoa - Phạm Cự Lượng	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
7	Nguyễn Văn Linh	Ung Văn Khiêm - Cuối đường	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2, và điều chỉnh giới hạn đoạn
8	Triệu Quang Phục	Trần Hưng Đạo - Thoại Ngọc Hầu	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
9	Tô Hiến Thành	Trần Hưng Đạo - Hùng Vương	2	7.200	8.700	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
10	Các đường đối diện nhà lồng chợ Mỹ Phước	Đường dự định 08 (Hùng Vương - thửa 243, tờ BĐ số 06)	2	7.000	8.500	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
		Đường dự định 05	2	7.000	8.500	
11	Đường Kênh Đào	Trần Hưng Đạo - Cầu Sắt Kênh Đào	2	7.200	7.200	Đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
12	Khu đô thị mới Tây Sông Hậu	Triệu Quang Phục	2	8.000	8.000	Đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
		Các đường còn lại	2	7.000	7.000	Đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
	KHU DÂN CƯ TIẾN ĐẠT					
13	Lê Trọng Tấn	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
	KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI HỌC AN GIANG					
14	Dương Bạch Mai	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
15	Trình Đình Thảo	Suốt đường	3	5.000	6.000	
16	Đào Duy Anh	Suốt đường	3	5.000	6.000	
17	Lương Đình Cửa	Suốt đường	3	5.000	6.000	
18	Tôn Thất Tùng	Suốt đường	3	5.000	6.000	
19	Phạm Ngọc Thạch	Suốt đường	3	5.000	6.000	
	KHU DÂN CƯ TIẾN ĐẠT					
20	Hoàng Văn Thái	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
21	Nguyễn Thị Định	Suốt đường	3	5.000	6.000	
22	Trần Văn Trà	Suốt đường	3	5.000	6.000	
23	Nguyễn Chí Thanh	Suốt đường	3	5.000	6.000	
24	Nguyễn Khánh Toàn	Suốt đường	3	5.000	6.000	
25	Lê Thị Riêng	Suốt đường	3	5.000	6.000	
26	Hồ Hảo Hón	Suốt đường	3	5.000	6.000	
27	Nguyễn Văn Trỗi	Suốt đường	3	5.000	6.000	
28	Nguyễn Minh Hồng	Suốt đường	3	5.000	6.000	
29	Lê Anh Xuân	Suốt đường	3	5.000	6.000	
30	Hoàng Lê Kha	Suốt đường	3	5.000	6.000	
31	Nguyễn Bình	Suốt đường	3	5.000	6.000	
32	Huỳnh Văn Nghệ	Suốt đường	3	5.000	6.000	
33	Các đường còn lại trong KDC	Suốt đường	3		6.000	Bổ sung mới

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
34	Khu dân cư Tây Đại Học	Các đường trong KDC	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
35	Phạm Ngũ Lão	Suốt đường	3	5.500	6.600	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
36	Các đường dự định còn lại thuộc KDC Chợ Mỹ Phước	Đường dự định 08 (Đoạn còn lại)	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
		Đường dự định 3, 4, 6, 7, 9, 10	3	5.000	6.000	
IV	ĐƯỜNG LOẠI 4					
	CÁC ĐƯỜNG TRONG KDC XẺO TRÔM 1, 2					
37	Tô Vĩnh Diện	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
38	Trường Chinh	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
39	Hà Huy Tập	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
40	Nguyễn Tất Thành	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
41	Độc Bình Là	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
42	Trần Phú	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
43	Phan Đăng Lưu	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
44	Lê Duẩn	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
45	Tô Hiệu	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
46	Phạm Thiệu	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
47	Nguyễn Hữu Thọ	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
48	Cù Chính Lan	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
49	Nguyễn Phong Sắc	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
50	Hà Huy Giáp	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
51	Võ Văn Tần	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
52	Việt Bắc	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
53	Ba Sơn	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
54	Hắc Hải	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
55	Nguyễn Đức Cảnh	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
56	Phùng Chí Kiên	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
57	Trần Huy Liệu	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
58	Đặng Thai Mai	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
59	Lưu Hữu Phước	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
60	Côn Đảo	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
61	Âu Dương Lân	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
62	Các đường còn lại	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
CÁC ĐƯỜNG TRONG KDC XÈO TRÔM 4, 5						
63	Hồ Tùng Mậu	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
64	Huỳnh Tấn Phát	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
65	Võ Duy Dương	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
66	Hoàng Quốc Việt	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
67	Võ Hoàn	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
68	Dương Bá Trạc	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
69	Nguyễn Thượng Khách	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
70	Lê Văn Lương	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
71	Phạm Văn Đồng	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
72	Nguyễn Lương Bằng	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
73	Các đường còn lại	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
74	Thoại Ngọc Hầu	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
75	Đường cấp Bệnh Viện Đa Khoa	Ung Văn Khiêm - Dương Bạch Mai	4	3.500	4.200	Tăng giá
76	Khu dân cư Xẻo Chanh	Đường cấp rạch Xẻo Chanh - Hết khu dân cư	4	3.500	4.200	Tăng giá
77	Khu dân cư 36 nền	Các đường trong KDC	4	3.500	4.200	Tăng giá
78	Hẻm 1, 2 Khóm Mỹ Lộc tiếp giáp Trần Hưng Đạo	Suốt hẻm	4	3.000	3.600	Tăng giá
79	Đường cấp rạch Ba Đá	Phạm Cự Lượng - Rạch Tầm Bót	4	2.500	3.000	Tăng giá
80	Đường cấp rạch Xẻo Thoại	Rạch Tầm Bót - Rạch Ba Đá	4	2.500	3.000	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
81	Đường cặp rạch Gừa	Trần Hưng Đạo - Đ. Thoại Ngọc Hầu	4	2.500	3.000	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn từ “Trần Hưng Đạo - Khu đô thị mới Tây Sông Hậu”
82	Đường cặp rạch Cái Sơn	Trần Hưng Đạo - Ranh phường Đông Xuyên	4	2.500	3.000	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn từ “Trần Hưng Đạo - Trường Đại học An Giang”
		Sông Hậu - Trần Hưng Đạo	4	2.000	2.400	Tăng giá
83	Đường cặp rạch Tầm Bót	Từ Sông Hậu- Ung Văn Khiêm (2 bờ)	4	2.500	2.500	Điều chỉnh đoạn “Sông Hậu - Rạch Mương Khai”
		Từ Ung Văn Khiêm - thửa 11 tờ 17 (bờ phải)	4	2.500	2.500	
		Đường Huỳnh Văn Nghệ - Đường cặp Rạch Mương Khai (Bờ phải)	4		1.500	Bổ sung mới
		Từ Ung Văn Khiêm - Đường cặp Rạch Mương Khai (bờ trái)	4	2.500	2.500	Điều chỉnh đoạn “Sông Hậu - Rạch Mương Khai”
84	Đường cặp rạch Xẻo Chanh	Rạch Cái Sơn - Rạch Tầm Bót	4	2.000	2.400	Tăng giá
85	KDC Sở Kế hoạch đầu tư	Các đường trong KDC	4	2.000	2.400	Tăng giá
86	KDC Tỉnh đoàn	Các đường trong KDC	4	2.000	2.400	Tăng giá
87	KDC AB	Các đường trong KDC	4	2.000	2.400	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
88	Đường cặp Kênh Đào	Đường Nguyễn Lương Bằng - Đường cặp Rạch Mương Khai	4	1.500	1.500	Điều chỉnh đoạn “Khu dân cư Xẻo Trôm 4 - Rạch Mương Khai”
89	Đường cặp rạch Mương Khai	Ranh phường Mỹ Hòa - Ranh phường Mỹ Quý	4	1.500	1.500	Tăng giá, Điều chỉnh đoạn “Giáp phường Mỹ Hòa”
F	PHƯỜNG MỸ HÒA					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Đường tỉnh 943	Cầu ông Mạnh - Nguyễn Hoàng (phía bên trái lấy hết thửa đất số 31 tờ 18)	1	15.000	18.000	Tăng giá
		Nguyễn Hoàng - Cầu Mương Điểm	1	14.400	14.400	Đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
		Cầu Mương Điểm - cầu Bằng Tăng	1	10.400	10.400	
2	Đường Nguyễn Thái Học (nối dài)	Cầu Nguyễn Thái Học - Nguyễn Hoàng	1	11.800	14.200	Tăng giá
3	Nguyễn Hoàng	Suốt đường	1	11.400	13.700	Đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 1
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
4	Bùi Văn Danh	Cầu Ông Mạnh - Cầu Nguyễn Thái Học	2	7.000	8.500	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
5	Đường Tỉnh 943	Cầu Bằng Tăng - ranh Phú Hòa	2	7.200	7.200	Đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
6	Khu tái định cư Trung tâm hành chính TP. Long Xuyên và Khu tái định cư Vĩnh Trà Long Xuyên	Các đường trong KDC	2	8.000	8.000	Đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
III ĐƯỜNG LOẠI 4						
KHU DÂN CƯ BẮC HÀ HOÀNG HỒ THEO QUY HOẠCH						
7	Đường Trần Quang Diệu (nối dài)	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
8	Đường số 8, 11, 12	Suốt đường	4	2.400	2.900	Tăng giá
9	Bùi Văn Danh	Nguyễn Thái Học - Cầu Tôn Đức Thắng	4	2.500	3.000	Tăng giá
		Cầu Tôn Đức Thắng- Ngã 3 Mương Diêm	4	2.200	2.700	Tăng giá
10	Các đường còn lại trong KDC Bắc Hà Hoàng Hồ	Suốt đường	4	1.800	2.200	Tăng giá
11	Các đường thuộc khu dân cư Tây Khánh 3 (vượt lũ) và phần mở rộng	Suốt đường	4	1.500	1.800	Tăng giá
12	Các đường thuộc khu dân cư Tây Khánh 4 (hẻm Tường Vi)	Suốt đường	4	1.500	1.800	Tăng giá
13	Đường cặp rạch Ông Mạnh	Đường tỉnh 943 - Bùi Văn Danh	4	1.600	2.000	Tăng giá, Điều chỉnh đoạn “Cầu sắt rạch Ông Mạnh-Nhà máy Ba Tầu”
		Đường tỉnh 943 - KDC Đỗ Quang Thiệt	4	1.500	1.800	Tăng giá, Điều chỉnh đoạn “Bắc: Đường tỉnh 943 - Rạch Long

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						Xuyên”
		KDC Đỗ Quang Thiệt – Cuối đường (bao gồm KDC liền kề)	4	1.500	1.800	Tăng giá, Điều chỉnh đoạn “Nam: Đường tỉnh 943 - KDC Thiên Lộc (Tờ BĐ 87 thửa 24)” và “Đoạn còn lại”
14	Đường cặp rạch Mương Diễm	Suốt đường	4	1.500	1.800	Tăng giá
15	Đường cặp rạch Mương Khai Lớn	Đường tỉnh 943 - Rạch Bằng Tăng	4	1.500	1.800	Tăng giá
		Đoạn còn lại	4	1.000	1.200	Tăng giá
16	Các đường tiếp giáp mương, rạch	Mương Cạn, Mương Cui, Rạch Rích, Rạch Càn Thăng, Mương Bà Khuê	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn
17	Đường cặp rạch Long Xuyên	Tờ 29, thửa 20 (Trại cửa 9 Khải) - cầu Bằng Tăng	4	1.500	1.800	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Cầu Mương Lạng - cầu Bằng Tăng” và đoạn “Rạch rích (cầu càn thăng) - Cầu Mỹ Phú”
		Đường tỉnh 943 (Trạm bơm Mỹ Hòa) - Cầu Càn Thăng	4	1.000	1.200	
		Đoạn còn lại (Cầu Càn Thăng - Đường 943 (cầu Phú Hòa))	4	1.000	1.200	
18	Đường cặp rạch Mương Khai Nhỏ	Đường tỉnh 943 - KDC Nguyễn Thanh Bình	4	1.500	1.800	Tăng giá
19	Hẻm tổ 6, 7, 8, 12 Tây Khánh 4	Tất cả các đường	4	1.500	1.800	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
20	Hẻm 11	Suốt đường	4	1.500	1.800	Tăng giá
21	Hẻm 13 rạch Bằng Lãng	Suốt đường	4	1.500	1.800	Tăng giá
22	Hẻm 21, 22, 23	Suốt đường	4	1.500	1.800	Tăng giá
23	Các đường còn lại khu dân cư Thiên Lộc		4	3.000	3.600	Tăng giá
24	Đường nhựa khóm Tây Khánh 5	Đường tỉnh 943 - phường Mỹ Phước	4	1.500	1.800	Tăng giá
25	Đường vào khu dân cư làng giáo viên Đại học và các đường trong khu dân cư	Đường tỉnh 943 - Các đường trong khu dân cư	4	1.500	1.800	Tăng giá
26	Hẻm Ấp Chiến Lược	Đường tỉnh 943 - Nguyễn Thái Học	4	1.500	1.800	Tăng giá
27	Đường cặp rạch Bằng Tăng	Đường tỉnh 943 - rạch Mương Khai Lớn	4	1.500	1.800	Tăng giá
28	Đường cặp rạch Bằng Lãng	Đường tỉnh 943 - Bùi Văn Danh	4	1.500	1.800	Tăng giá
29	Đường cặp rạch Mương Tắc	Trại giam - rạch Ông Mạnh	4	1.500	1.800	Tăng giá
30	Đường Mương Xã	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
31	Đường Rạch Bà Hai, Rạch Thầy Phó	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
32	Đường cặp rạch Mương Hội	Rạch Bằng Tăng - Tờ BĐ 45 thửa 293	4	1.000	1.200	Tăng giá
33	KDC Nguyễn Văn Ngọc	Các đường trong KDC	4	2.000	2.400	Tăng giá
34	Khu dân cư Trương Hoàng Sơn	Các đường trong KDC	4	2.000	2.400	Tăng giá
35	Khu dân cư Nguyễn Ngọc Ni	Các đường trong KDC	4	2.000	2.400	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
36	Khu dân cư Huỳnh Thanh Liên	Các đường trong KDC	4	1.500	1.800	Tăng giá
37	Khu dân cư Nguyễn Thanh Bình	Các đường trong KDC	4	1.500	1.800	Tăng giá
38	Khu dân cư Đỗ Quang Thiệt	Các đường trong KDC	4	1.500	1.800	Tăng giá
39	Khu dân cư Sở VHTT và DL	Các đường trong KDC	4	1.500	1.800	Tăng giá
40	Khu dân cư giáp Nhà máy xử lý nước thải (Tây Khánh 5)	Các đường trong KDC	4	1.500	1.800	Tăng giá
41	Các đường còn lại tiếp giáp các kênh	Kênh 76, Kênh 77, Kênh Ranh, Kênh Tây Thạnh I, Mương Ông Tỏ, Mương Xẻo Tào, Mương Hội Đồng Thu, Rạch Gòi Lớn, Mương Miếu	4	800	960	Tăng giá
42	Đường vào khu gia đình chính sách tại Khóm Tây Khánh 7	Suốt đường	4		2.500	Bổ sung mới
G	PHƯỜNG BÌNH KHÁNH					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Trần Hưng Đạo	Cầu Nguyễn Trung Trực - Mương Cơ Khí	1	11.000	13.200	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
		Mương Cơ Khí - Cầu Trà Ôn	1	9.000	10.800	
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
2	Quản Cơ Thành	Suốt đường	2	7.200	8.700	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
3	Hàm Nghi	Suốt đường	2	7.200	8.700	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
III ĐƯỜNG LOẠI 3						
4	Tôn Thất Thuyết	Suốt đường	3	5.400	6.500	Tăng giá
5	Nguyễn Trường Tộ	Trần Hưng Đạo - Đề Thám	3	5.400	6.500	Tăng giá
		Đề Thám - Cuối Đường	3	4.800	5.800	Tăng giá
6	Thành Thái	Cầu Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi	3	4.800	5.800	Tăng giá
7	Đề Thám	Hàm Nghi - Nguyễn Trường Tộ	3	4.800	5.800	Tăng giá
		Nguyễn Trường Tộ - Cuối đường	3	4.800	5.800	Tăng giá
8	Khu dân cư Sao Mai Bình Khánh 5	Đường số 7 (Đường Thực Phán nối dài)	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
9	Đường cặp Sở Tài nguyên và Môi trường	Suốt đường	3	4.300	5.200	Tăng giá, chuyển từ đường loại 4 lên đường loại 3
IV ĐƯỜNG LOẠI 4						
10	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo - Bến phà Mỹ Hòa Hưng	4	3.600	4.400	Tăng giá
11	Đường trên mương tổ 29	Trần Hưng Đạo - Ngô Lợi	4	3.600	4.400	Tăng giá
CÁC ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ SAO MAI BÌNH KHÁNH 3						
12	Lạc Long Quân	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
13	Thực Phán	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
14	Võ Trường Toản	Suốt đường	4	3.200	3.900	Tăng giá
15	Nguyễn Thiện Thuật	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
16	Nguyễn Tri Phương	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
17	Huỳnh Thúc Kháng	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
18	Đinh Công Tráng	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
19	Cao Thắng	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
20	Thái Phiên	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
21	Độc Bình Kiều	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
22	Nguyễn An Ninh	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
23	Đội Cấn	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
24	Phan Văn Trị	Nguyễn Khắc Nhu - Thiên Hộ Dương	4	3.000	3.600	Tăng giá
25	Lương Văn Can	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
26	Phó Đức Chính	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
27	Nguyễn Khắc Nhu	Suốt đường	4	3.600	4.400	Tăng giá
28	Tổng Duy Tân	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
29	Trương Định	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
30	Nguyễn Thượng Hiền	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
31	Khu dân cư Sao Mai Bình Khánh 5	Các đường còn lại	4	4.000	4.800	Tăng giá
32	Nguyễn Thanh Sơn	Suốt đường	4	3.600	4.400	Tăng giá
33	Ngô Lợi	Suốt đường	4	3.600	4.400	Tăng giá
34	Phan Bội Châu	Đoạn còn lại	4	2.700	3.300	Tăng giá
35	Các đường còn lại trong KDC Sao Mai	Các đường chưa có tên	4	3.500	4.200	Tăng giá
	CÁC ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ SAO MAI BÌNH KHÁNH 3					
36	Lý Bôn	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
37	Triệu Thị Trinh	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
38	Mai Hắc Đế	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
39	Sư Vạn Hạnh	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
40	Lê Hoàn	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
41	Lý Đạo Thành	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
42	Lê Phụng Hiểu	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
43	Đinh Công Trứ	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
44	Lý Phạt Mã	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
45	Lý Công Uân	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
46	Âu Cơ	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
47	Ỗ Lan	Suốt đường	4	3.500	4.200	Tăng giá
48	Võ Văn Hoài	Cầu Nguyễn Trung Trực - Cầu Tôn Đức Thắng	4	3.000	3.600	Tăng giá
		Cầu Tôn Đức Thắng - cầu Thông Lưu	4	2.200	2.700	Tăng giá
49	Khu dân cư Sao Mai (Khu biệt thự còn một số chưa có tên đường)		4	3.000	3.600	Tăng giá
50	Nguyễn Khuyến	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
51	Tú Xương	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
52	Trần Cao Vân	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
53	Thiên Hộ Dương	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
54	Phạm Thế Hiển	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
55	Nguyễn Thái Bình	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
56	Lê Thị Hồng Gấm	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
57	Quách Thị Trang	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
58	Nguyễn Địa Lô	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
59	Lê Ngã	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
60	Dã Tượng	Suốt đường	4	2.100	2.600	Tăng giá
61	Nguyễn Cảnh Dị	Suốt đường	4	2.100	2.600	Tăng giá
62	Nguyễn Chích	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
CÁC ĐƯỜNG KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ BÌNH KHÁNH 5						
63	Bùi Viện	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
64	Lý Văn Phúc	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
65	Nguyễn Lữ	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
66	Trịnh Hoài Đức	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
67	Lê Quang Định	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
68	Nguyễn Nhạc	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
69	Phan Kế Bình	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
70	Hồ Biểu Chánh	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
71	Cường Để	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
72	Các đường còn lại	Suốt đường	4		3.000	Bổ sung mới
73	Đường Trà Ôn	Cầu Trà Ôn - Cầu Sáu Hành	4	2.500	3.000	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn cho phù hợp
		Cầu Sáu Hành - Ban Trị sự	4	2.000	2.400	
		Ban Trị sự - Cuối đường	4	1.500	1.800	
74	Đường Dự Định	Tôn Thất Thuyết - Trương Định (sau Thánh thất Cao Đài)	4	2.100	2.600	Tăng giá
		Các đường dự định còn lại	4	2.100	2.600	Tăng giá
75	KDC Tinh Đội (Sau cây xăng Hòa Bình)	Các đường trong KDC	4	4.000	4.800	Tăng giá
76	Đường nối Quận Cơ Thành và Nguyễn Thanh Sơn (Đường vào VP Khóm Bình Thới 3)	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
77	Đường số 1, 2 khu dân cư cán bộ	Suốt đường	4	2.100	2.600	Tăng giá
78	Nguyễn Văn Trỗi	Suốt đường	4	2.100	2.600	Tăng giá
79	Đường cặp Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật TNMT	Suốt đường	4	2.000	2.400	Tăng giá
80	Đường Mai Xuân Thưởng	Suốt đường	4	1.500	1.800	Tăng giá
81	Đường Thông Lưu - Tổng Hội	Bờ hướng đông khu vực đô thị	4	1.500	1.800	Tăng giá
82	Hẻm tổ 21, 23	Khóm Bình Thới 3	4	2.000	2.400	Tăng giá
83	Các đường tiếp giáp đường Mai Xuân Thưởng (chỉ xác định một vị trí)		4	1,000	1.200	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
	KDC TỔNG HỘI					
84	Phạm Phú Thứ	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
85	Dương Khuê	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
86	Phạm Đình Hồ	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
87	Nguyễn Siêu	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
88	Phạm Đình Toái	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
89	Bà Huyện Thanh Quan	Suốt đường	4	1.000	1.200	Tăng giá
90	Các đường còn lại	Cặp Rạch Ngã Cái, Rạch Hai Chon, Kênh Cây Dong, Mương Trâu, Mương Tường, Xẻo Sao, Bồn Sầm	4	700	700	Điều chỉnh giới hạn
91	Đường Thông Lưu - Tổng Hội	Cầu rạch Dứa - Rạch Trà Ôn	4	1.100	1.400	Tăng giá
92	Đường Âu Cơ (nối dài)	Nguyễn Trường Tộ – Lạc Long Quân	4		4.000	Bổ sung mới
93	Đường tổ 12-25	Suốt đường	4		2.500	Bổ sung mới
94	Đường Mương 25	Suốt đường	4		2.000	Bổ sung mới
H	PHƯỜNG MỸ QUÝ					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Trần Hưng Đạo	Suốt đường	1	15.000	18.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
2	Phạm Cự Lượng	Trần Hưng Đạo - Ung Văn Khiêm	1	10.000	12.000	Tăng giá, đường loại 2 điều chỉnh thành đường loại 1
		Đoạn còn lại	1	10.000	12.000	
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
3	Hồ Nguyên Trùng	Hồ Quý Ly - Trụ sở UBND phường	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
4	Đinh Lễ	Đào Duy Từ - Hồ Quý Ly	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
5	Đào Duy Từ	Hồ Nguyên Trừng - Lê Chân	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
6	Hồ Quý Ly	Phạm Cự Lượng - Lê Chân	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
7	Đinh Liệt	Suốt đường	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
8	Đặng Trần Côn	Phạm Cự Lượng - Hồ Nguyên Trừng	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
9	Đường Đoàn Thị Diễm (đường vào cụm công nghiệp chế biến thủy sản)	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
10	Dương Diên Nghệ	Trần Hưng Đạo - Khu đô thị mới Tây Sông Hậu	2	7.000	8.400	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 2
11	Ngô Thời Sĩ	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 2
12	Châu Mạnh Trình	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						loại 2
13	Đỗ Nhuận	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
14	Phùng Khắc Khoan	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
15	Đường cấp kho Mai Hưng	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
16	Khu đô thị mới Tây Sông Hậu	Dương Diên Nghệ	2	7.000	7.000	đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 2
17	Lê Chân	Trần Hưng Đạo - Ngã 4 khu dân cư trại cá giống	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 2
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
18	Thánh Thiên	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
19	Phan Huy Ích	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá, đường loại 4 điều chỉnh thành đường loại 3
IV	ĐƯỜNG LOẠI 4					
20	Lê Chân	Đoạn còn lại	4	4.000	4.800	Tăng giá
21	Mạc Đăng Dung	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
22	Đào Tấn	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
23	KDC Lê Chân	Các đường trong KDC	4		4.800	Bổ sung mới
24	Lý Trần Quán	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
25	Ngô Sĩ Liên	Suốt đường	4	4.000	4.800	Tăng giá
26	Hùng Vương (nối dài)	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
27	Hồ Quý Ly	Lê Chân - Cầm Bá Thước	4	3.000	3.600	Tăng giá
28	Giang Văn Minh	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
29	Hồ Bá Ôn	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
30	Hồ Bá Kiện	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
31	Lương Ngọc Quyên	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
32	Cầm Bá Thước	Suốt đường	4	3.000	3.600	Tăng giá
33	Đường cặp rạch Gò Lớn	Cầu Đôi - Cuối đường (bên phải)	4	2.000	2.000	Điều chỉnh giới hạn từ các đoạn “Cầu Đôi - Hết cầu sắt trường Bùi Thị Xuân”, “Cầu Đôi - Mường Lý Sỹ (bên trái)”, “Mường Lý Sỹ - Cầu sắt trường Bùi Thị Xuân điểm B3 (bên trái)”, “Cầu sắt trường Bùi Thị Xuân- Đến hết giới hạn đô thị” và “Đoạn còn lại giáp Mỹ Hòa”
		Cầu Đôi - Kênh Cây Lựu (bên trái)	4	2.000	2.000	
		Kênh Cây Lựu - Đường cặp rạch Mường Khai (bên trái)	4	1.000	1.000	
34	Các đường còn lại trong khu tiểu thủ công nghệ Mỹ Quý	Suốt đường	4		2.500	Bổ sung mới
35	Đường cặp Sông Hậu	Nhà máy thủy sản Nam Việt - Rạch Gò Lớn	4		3.000	Bổ sung mới

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
36	Đường cấp Rạch Cây Lựu	Suốt đường	4		1.000	Bổ sung mới
37	Các đường còn lại trong KDC Trại Cá Giồng	Suốt đường	4		3.000	Bổ sung mới
38	Đường cấp Kênh Đào	Đường Phạm Cự Lượng - Đường cấp Rạch Mương Khai	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Khu dân cư Xẻo Trôm 4 - Mương Chùa”
I	PHƯỜNG MỸ THẠNH					
I	ĐƯỜNG LOẠI 2					
1	Trần Hưng Đạo	Suốt đường	2	7.000	8.400	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
II	ĐƯỜNG LOẠI 3					
2	Chường Bình Lễ	Suốt đường	3	5.000	6.000	Tăng giá
III	ĐƯỜNG LOẠI 4					
3	Phan Xích Long	Trần Hưng Đạo vào 150 mét	4	1.500	1.800	Tăng giá
4	Hồ Huân Nghiep	Trần Hưng Đạo - Cầu Năm Sứ	4	2.000	2.400	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Trần Hưng Đạo - Cầu Sáu Bá”
5	Tăng Bạt Hổ	Trần Hưng Đạo - Cầu Lộ Xã	4	2.000	2.400	Tăng giá
6	Hẻm 1 khóm Thới An	Chường Bình Lễ - Cuối hẻm	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Chường Bình Lễ - Nhà máy thức ăn gia súc”
7	Đường cấp rạch Cái Dung	Cầu Cái Dung - Cầu Ba Khẩu - Cầu Lộ Xã (Bờ	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn, tăng giá đoạn “Ranh

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		phải)				Trung Đoàn 3 - Mường Ba Khuỳnh”
		Cầu Cái Dung - Cầu Lộ Xã - Cuối đường (Bờ trái)	4	1.500	1.500	
		Cầu Lộ Xã - Hết ranh Trung Đoàn 3 (Bờ phải)	4	1.500	1.500	
		Thửa 102, tờ 21 - Ranh Trung Đoàn 3 (Bờ trái)	4	1.500	1.500	
		Ranh Trung Đoàn 3 - Mường Ba Khuỳnh	4	300	400	
		Cầu Cái Dung - Vàm sông Hậu (2 bờ)	4	1.500	1.500	
8	Đường cặp sông Hậu	Cầu Cái Sắn - Cầu Cui	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Cầu Cui - Cty DL Miền Núi An Giang”
		Ranh Mỹ Thới - Rạch Cái Dung	4	1.500	1.500	
9	Đường vào Sở Giao thông cũ	Trần Hưng Đạo - Cổng Sở Giao thông vận tải cũ	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Suốt đường”
10	Đường lộ mới Hòa Thạnh	Trần Hưng Đạo - Chợ Cái Sắn	4	1.800	2.200	Tăng giá đoạn “Trần Hưng Đạo - Chợ Cái Sắn”, điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Đường lộ mới Hòa Thạnh (bên trái) (Trần Hưng Đạo - Cầu Mường Thơm Mới
		KDC Hòa Thạnh - Cầu Mường Thơm mới	4	1.800	1.800	

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						(trừ khu dân cư Hòa Thạnh) và Đường lộ mới Hòa Thạnh (Tờ bản đồ 69 thửa 11 - Cầu Mương Thơm)”
11	Đường rạch Cái Sắn Sâu	Suốt đường	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Cầu Sáu Nhờ (Năm Sứ) - Tờ bản đồ 51 thửa 63” và “Đoạn còn lại”
12	Đường Hồ Huân Nghiệp (nối dài)	Cầu Năm Sứ - Hết thửa 47, Tờ BD 55	4	1.500	1.800	Tăng giá đoạn “Cầu Năm Sứ - Hết thửa 47, Tờ BD 55”,
		Thửa 90, Tờ BD 55 - Rạch Mương Thơm	4	1.500	1.500	điều chỉnh đoạn “Đường cầu Sáu Bá - cầu Mương Thơm mới”
13	Đường Nhà máy Gạch Acera	Trần Hưng Đạo - ranh Mỹ Thới	4	1.500	1.800	Tăng giá
		Ranh Mỹ Thới - Cầu Bờ Hồ	4	1.200	1.500	Tăng giá
14	Đường trục Đông Thạnh A	Suốt đường	4	2.400	2.900	Tăng giá
15	Đường Rạch Mương Thơm	Rạch Cái Sắn Lớn - Cầu Tám Bỏ	4	420	510	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Bờ trái: cầu Đình - Cầu Tám Bỏ” và “Bờ phải: cầu Hai
		Cầu Tám Bỏ - Mương Ba Khuỳnh	4	500	600	

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						Đề - Cầu khu dân cư Ba Khuỳnh”
16	Đường cặp Rạch Ngã Cái	Cầu Tám Bỏ - Ranh Vĩnh Trinh	4	300	400	Tăng giá
17	Đường Ba Khấu - Đường vào KDC Nguyễn Ngọc Trung		4	1.000	1.000	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Đường Ba Khấu - cầu Tư Bọ”
18	Đường cầu Bờ Hồ - cầu Phú Thuận		4	300	400	Tăng giá
19	Đường cầu Bờ Hồ - cầu Vĩnh Trinh		4	300	400	Tăng giá
20	Đường cặp rạch Cái Sắn Lớn	Cầu Đình - Ranh Vĩnh Trinh	4	350	420	Tăng giá
		Cầu Cái Sắn Lớn - Cầu Năm Sứ	4		1.000	Bổ sung mới
21	Khu vực cồn Thới Hòa		4	300	400	Tăng giá
22	Khu dân cư Nguyễn Ngọc Trung	Các đường trong KDC	4	500	600	Tăng giá
23	Đường Bê tông	Trần Hưng Đạo - Đường cặp Sông Hậu	4		1.500	Bổ sung mới
24	Đường vào KDC Trung đoàn 3	Trần Hưng Đạo - KDC Trung đoàn 3	4		2.000	Bổ sung mới
25	Các đường còn lại	Đường cặp rạch Cái Dung, cặp rạch Mương Thơm, cặp Kênh Phú Xuân, Cặp Kênh Ranh (đoạn còn lại)	4		500	Bổ sung mới

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
26	Đường Cái Sắn Cạn	Cầu Tám The - Đường bên phụ Phà Vàm Cống	4		1.500	Bổ sung mới
J	PHƯỜNG MỸ THOÀI					
I	ĐƯỜNG LOẠI 2					
1	Trần Hưng Đạo	Suốt đường	2	8.000	9.600	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
2	Trần Quang Khải	Suốt đường	2	6.000	7.200	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
II	ĐƯỜNG LOẠI 4					
3	Trần Quý Cáp	Trần Hưng Đạo - Cầu Đình	4	3.500	4.200	Tăng giá
	CÁC ĐƯỜNG TRONG KDC TRẦN QUANG KHẢI					
4	Hàn Mạc Tử	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
5	Đông Hồ	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
6	Ngô Tất Tố	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
7	Vũ Ngọc Phan	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
8	Hoàng Ngọc Phách	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
9	Nguyễn Hiến Lê	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
10	Xuân Diệu	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
11	Tô Ngọc Vân	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
12	Bảo Định Giang	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
13	Nguyễn Hồng	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
14	Nguyễn Trọng Quyền	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
15	Cao Văn Lầu	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
16	Các đường còn lại	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KDC THẠNH AN (AFIEX)					
17	Nam Cao	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
18	Nguyễn Công Hoan	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
19	Vũ Trọng Phụng	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
20	Các đường còn lại	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
21	Trần Văn Ôn	Suốt đường	4	2.000	2.400	Tăng giá
22	Đặng Thúc Liêng	Suốt đường	4	1.600	2.000	Tăng giá
23	Phan Văn Trị	Suốt đường	4	1.900	2.300	Tăng giá
24	Đường cặp rạch Cái Sao	Vàm sông Hậu - Cầu Cái Sao (bờ phải)	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn, tăng giá đoạn “Kênh ngã Bát - Kênh Bằng Tăng (kênh Cái Sao trên)”
		Vàm sông Hậu (Thửa 53, Tờ 32) - Cầu Đình (bờ trái)	4	1.500	1.500	
		Cầu Đình - Cầu Cái Sao (bờ trái)	4	1.500	1.500	
		Cầu Cái Sao - Tờ bản đồ 49 thửa 137(bờ trái), Cầu Bê tông (Tờ BĐ 48, thửa 11 (bờ phải))	4	1.500	1.500	
		Tờ bản đồ 49 thửa 137 - Ranh giới hành chính phường (bờ trái)	4	600	600	
		Cầu Bê tông (Tờ BĐ 48, thửa 11) - Kênh Ngã Bát	4	600	600	
		Kênh ngã Bát - Kênh Bằng Tăng (kênh Cái Sao dưới)	4	600	600	
		Kênh ngã Bát - Kênh Bằng Tăng (kênh Cái Sao trên)	4	300	400	
25	Đường cặp rạch Gòi Lớn	Vàm Sông Hậu - Rạch Ba Miếu	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn cho phù hợp

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Cầu Ba Miếu - Cầu Bùi Thị Xuân	4	1.200	1.200	
		Cầu Bùi Thị Xuân - Cầu Ngã Cái	4	800	800	
		Đoạn còn lại giáp Kênh Bằng Tăng	4	400	400	
26	Đường cặp rạch Gòi Bé	Trần Hưng Đạo (Cầu Gòi Bé - bờ trái) - Nguyễn Hiến Lê	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn cho phù hợp
		Trần Hưng Đạo - Vàm sông Hậu	4	1.500	1.500	
		Trần Hưng Đạo (Cầu Gòi Bé - bờ phải) - Rạch Ba Miếu	4	1.500	1.500	
		Rạch Ba Miếu - Hết đường (rạch Gòi Bé trong)	4	1.500	1.500	
		Cầu rạch Gòi Bé - KDC Đức Thành	4		400	Bổ sung mới
27	Đường Ba Miếu trong	Cầu Ba Miếu - Rạch Gòi Bé (bờ phải)	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn cho phù hợp
		Rạch Gòi Lớn - Cuối đường (bờ trái)	4	1.500	1.500	
28	Đường cặp sông Hậu	Bê tông Ly Tâm - Rạch Cái Sao	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Rạch Gòi Bé - ranh Mỹ Thạnh”
		Rạch Cái Sao - Ranh Mỹ Thạnh	4	1.500	1.500	
29	Đường cặp Nhà máy ACERA	Trần Hưng Đạo - Ranh Mỹ Thạnh	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Trần Hưng Đạo

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						vô 300m” và “đoạn còn lại”
30	Đường lộ cũ	Cầu Hai Tụ - Sông Hậu	4	1.500	1.800	Tăng giá
31	Đường cặp Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Suốt đường	4	1.000	1.200	Đổi tên đường từ đoạn “Đường vào Trường THPT Mỹ Thới”
32	KDC Chợ Cái Sao	Các đường trong KDC	4	4.000	4.800	Tăng giá
33	Đường vào KDC Ngõ Phước Hải	Rạch Gòi Lớn - KDC	4		800	Bổ sung mới
34	Đường cặp Kênh Chín Xe	Cầu Ngã Cái – Rạch Bằng Tăng	4		400	Bổ sung mới
35	Đường Đức Thành	Nguyễn Hiến Lê – Phường đôi (đối diện ngã 3 rạch Gòi Bé)	4	1.900	1.900	Điều chỉnh giới hạn từ Đường cặp rạch Gòi Bé “Nguyễn Hiến Lê - ngã ba rạch Gòi Bé” và “Cầu Ba Miếu - Ranh xã Phú Thuận (Thoại Sơn)”, tăng giá đoạn “Phường đôi (đối diện ngã 3 rạch Gòi Bé) - Cầu Đức Thành 3 (giáp xã Phú Thuận)”
		Phường đôi (đối diện ngã 3 rạch Gòi Bé) – Cầu Đức Thành 3 (giáp xã Phú Thuận)	4	720	900	

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
36	Đường Tây An - Phú Hòa	Ngã 3 rạch Gòi Bé - Cầu Đức Thành 3 (giáp xã Phú Thuận) (Bờ phải rạch Gòi Bé)	4		400	Bổ sung mới
37	Đường cặp rạch Bằng Tăng (Đường bê tông nằm trong dự án nuôi trồng thủy sản tây đường tránh)	Ranh Mỹ Quý - Ranh Mỹ Thạnh	4		600	Bổ sung mới
38	Đường cặp rạch Bằng Tăng (Đường đất)	Ranh Mỹ Quý - Ranh Mỹ Thạnh	4		400	Bổ sung mới
39	Đường cặp Kênh Bờ Ao	Cầu Đức Thành 3 - Rạch Cái Sao dưới (giáp Mỹ Thạnh)	4		800	Bổ sung mới
40	Kênh Lung Cầu (cấp nhà yên chú út Lê)	Cái Sao Trên - Kênh 9 Xe	4		400	Bổ sung mới
41	Đường cặp Mương Đình Tú	Cầu bộ hành nhà chú 10 Linh - Cầu Ngã Bát Tây Thạnh	4		400	Bổ sung mới
K	PHƯỜNG BÌNH ĐỨC					
I	ĐƯỜNG LOẠI 2					
1	Trần Hưng Đạo	Cầu Trà Ôn - đường áp Chiến lược	2	6.500	7.800	Tăng giá, đường loại 3 điều chỉnh thành đường loại 2
II	ĐƯỜNG LOẠI 3					
2	Trần Hưng Đạo	Đường áp Chiến lược - Cầu Cần Xây	3	5.500	6.600	Tăng giá
		Cầu Cần Xây - Cầu Xếp Bà Lý	3	4.500	5.400	Tăng giá

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
III	ĐƯỜNG LOẠI 4					
3	Chợ Trà Ôn	Các đường đối diện Nhà lồng chợ	4	4.000	4.800	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Các đường xung quanh chợ Trà Ôn (toàn bộ) và Đường sau chợ Trà Ôn (Rạch Trà Ôn - Chợ Trà Ôn)”
		Các đường còn lại	4	3.000	3.600	
4	Đường Kè Sông Hậu	Suốt đường	4	2.500	3.000	Tăng giá
5	Đường đối diện đường áp chiến lược	Trần Hưng Đạo - Kè Sông Hậu	4	3.000	3.600	Tăng giá
6	Đường Trà Ôn	Cầu Trà Ôn - Cầu rạch Dầu	4	2.000	2.000	Điều chỉnh giới hạn bỏ “đoạn còn lại”
		Cầu rạch Dầu - Cầu Phan Bội Châu	4	1.500	1.500	
7	Đường rạch Dầu	Rạch Trà Ôn - Cầu qua Chùa Đức Thành	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ Đường Rạch Dầu “Suốt tuyến”
8	Đường cặp rạch Cần Xây	Trần Hưng Đạo - Cầu Liên Khóm	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Chân lộ Trần Hưng Đạo vô 300m” và “Từ 300m - Cầu Liên Khóm”
		Đoạn còn lại	4	1.000	1.000	
9	Đường cặp rạch Xép Bà Lý	Trần Hưng Đạo - Hết đường Bê tông	4	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn toàn tuyến
		Hết đường Bê tông - Kênh	4	1.000	1.000	

T T	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Cây Dong				
		Đường bến đò Xếp - Sông Hậu	4	1.000	1.000	
		Các đường còn lại	4		700	Bổ sung mới
10	Đường cặp rạch Tầm Vu	Suốt đường	4	1.000	1.000	Điều chỉnh giới hạn từ một phần “Đường cặp rạch Ngã Cái (Suốt đường)”
11	Đường bến đò Xếp	Suốt đường	4	2.000	2.000	Điều chỉnh giới hạn từ “Đường đối diện nhà máy Gạch Long Xuyên (Trần Hưng Đạo - Sông Hậu)”
12	Khu dân cư Tĩnh đội	Các đường trong KDC	4	2.500	3.000	Tăng giá
13	KDC Bình Đức	Đường số 1	4	4.000	4.800	Tăng giá
		Các đường còn lại	4	3.000	3.600	Tăng giá
14	Đường bệnh viện Y học cổ truyền	Suốt đường	4	2.500	2.500	Điều chỉnh tên từ “Đường vào bãi rác (Suốt đường)”
15	Khu Tái định cư Bình Đức	Các đường trong khu tái định cư	4	2.000	2.400	Tăng giá
16	Đường cặp Kênh Mương Trâu	Suốt đường	4		1.200	Bổ sung mới
17	Hẻm 47A	Suốt đường	4		2.000	Bổ sung mới
18	Đường cặp rạch Xẻo Sao	Cầu Phan Bội Châu - Kênh Cây Dong	4		1.000	Bổ sung mới
19	Đường tổ 44, 45	Trần Hưng Đạo - Tu viện Thánh gia	4		2.000	Bổ sung mới

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
I	Xã Mỹ Khánh			
1	Khu vực 1: Đất ở tại nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã, trung tâm hành chính xã):			
a	Đất ở tại nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã			
-	Xã Mỹ Khánh			
	Cầu Bà Bống - Trạm Y tế	700	840	Tăng giá
2	Khu vực 2: Đất ở tại nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Đường liên xã			
	Cầu Thông Lưu - Cầu Mương Chen	1.800	2.200	Tăng giá
	Cầu Mương Chen - Cầu Thầy giáo	1.200	1.500	Tăng giá
	Cầu Thầy giáo - Cầu Bốn Săm	1.100	1.400	Tăng giá
	Cầu Bốn săm - Cầu Bà Bống	1.000	1.200	Tăng giá
	Trạm Y tế - Xã Vĩnh Thành	800	960	Tăng giá
II	Xã Mỹ Hòa Hưng			
1	Khu vực 1: Đất ở tại nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã, trung tâm hành chính xã):			
	Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm chợ xã:			
-	Chợ Trà Mơn (xã Mỹ Hòa Hưng)			
	Các lô nền đối diện mặt tiền chợ	5.000	6.000	Tăng giá
2	Khu vực 2: Đất ở tại nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Đường chính qua trung tâm hành chính xã (Bến phà Trà Ôn - Bến phà Ô Môi)	1.200	1.500	Tăng giá
-	Đường Mỹ Khánh 2			
	Cầu Đình - Trường tiểu học Đoàn Thị Điểm (điểm phụ)	300	360	Tăng giá
	Trạm Y tế - Bến phà Trà Ôn	400	480	Tăng giá
-	Đường cạp rạch Trà Mơn (Suốt tuyến)	300	360	Tăng giá
-	Đường Thuận Hiệp (Cầu đầu lộ - Miếu Ông Hồ)	500	600	Tăng giá
-	Đường Mỹ An 1, 2 (Cầu Hai Diệm - Cầu Rạch Rích)	300	360	Tăng giá
-	Đường Tuyến Xếp Dài (Tư Nở - Rạch Rích)	520	630	Tăng giá
-	Đường sau chợ Trà Mơn (Cầu Út Lai - Chợ Trà Mơn)	700	840	Tăng giá
-	Tuyến đường Cầu Sáu Y - Bến phà Ô Môi	300	360	Tăng giá

TT	Tên đường phố	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
-	Tuyến đường phà Trà Ôn - Rạch Sung (cấp Sông Hậu)	300	360	Tăng giá
-	Các đường trong Khu dân cư Mỹ Khánh 2 (vượt lũ)	300	360	Tăng giá
-	Khu dân cư Mỹ An 2	400	480	Tăng giá
-	Đường Mỹ Khánh 1 (Điểm phụ Trường tiểu học Đoàn Thị Điểm - Miếu Ông Hổ)	200	240	Tăng giá
-	Đường Bê tông (Cầu Bảy Thìn - Đường nhánh rạch Rích)		450	Bổ sung mới
-	Tuyến kênh Ông Cào (Cầu Tư Cảnh - Hết đường Bê tông)		450	
-	Đường Bê tông (Cổng Út Na - Cầu Nam Dân)		450	
-	Các đường đất còn lại toàn xã	150	400	Tăng giá